

QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y KHOA - HỆ CHÍNH QUY

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

- Căn cứ Nghị định 31/CP, ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-ĐHTN, ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;
- Căn cứ Quyết định 560/QĐ-ĐHYD, ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học;
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp thông qua chương trình đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 22 tháng 01 năm 2018;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Y khoa hệ chính quy (bản điều chỉnh, sửa đổi lần 2).
- Điều 2:** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2018 - 2019.
- Điều 3:** Các Khoa, Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4:** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa, Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Văn Sơn

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH Y KHOA - HỆ CHÍNH QUY

(ban hành kèm theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHYD

ngày 24/7/2018)

THÁI NGUYÊN - 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đào tạo Bác sĩ y khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng cơ bản về Y học lâm sàng và cộng đồng, kết hợp được Y học hiện đại với Y học cổ truyền, có khả năng tự học vươn lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

II. CHUẨN ĐẦU RA

1. Yêu cầu về kiến thức

1. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

3. Vận dụng được kiến thức y học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

4. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

2. Yêu cầu về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

5. Chẩn đoán, điều trị, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp.

6. Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường.

7. Phát hiện được những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.

8. Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp.

9. Thực hiện được một số thủ thuật về lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản.

10. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

11. Phát hiện được dịch bệnh và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

12. Thực hiện được các kỹ năng giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng và bảo vệ môi trường.

13. Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.

14. Phát hiện và xử trí được các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh.

15. Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

16. Sử dụng được y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.

2.2. Kỹ năng mềm

17. Tạo lập được mối quan hệ thân thiện, hợp tác và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và cộng đồng.

18. Cung cấp được các thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp.

19. Phân tích được những diễn biến tâm lý của người bệnh và gia đình người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh.

20. Áp dụng được các phương pháp tâm lý để tạo ra sự đồng thuận và hợp tác của người bệnh và gia đình đối với các quyết định chẩn đoán và điều trị.

21. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

22. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

23. Sử dụng được một số phần mềm để soạn thảo văn bản, tính toán, thuyết trình (Microsoft Office...), xử lý và phân tích số liệu (Epi, SPSS...).

24. Tự đánh giá được năng lực bản thân và xác định rõ mục tiêu và nguyện vọng phát triển nghề nghiệp.

3. Yêu cầu về thái độ

25. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

26. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh.

27. Tôn trọng, chân thành và hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

28. Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

29. Tôn trọng luật pháp, tuân thủ đúng các qui định, yêu cầu nghề nghiệp.

30. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

31. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc và quyền con người trong hoạt động nghề nghiệp.

4. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu về y tế.

2. Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

3. Các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

1. Bác sĩ nội trú.

2. Bác sĩ chuyên khoa cấp I.

3. Thạc sĩ y học.

4. Tiến sĩ y học.

III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		
	Các học phần/môn học chung	19	10,16
	Các học phần/môn học khoa học cơ bản	23	12,29
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
	Các học phần/module cơ sở ngành	60	32,09
	Các học phần/module chuyên ngành	83	44,39
3.	Các học phần tự chọn	2	1,07
	Khối lượng kiến thức toàn khóa	187	100

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

3.2. Danh mục các học phần bắt buộc

3.2.1. Phần giáo dục đại cương

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
Các học phần/môn học chung		
1.	Giáo dục quốc phòng	4
2.	Giáo dục thể chất 1	2
3.	Giáo dục thể chất 2	1
4.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2
5.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3
6.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
8.	Pháp luật đại cương	2
	Tổng	19
Các học phần/môn học khoa học cơ bản		
9.	Di truyền y học	2
10.	Hóa học	1
11.	Vật lý - Lý sinh y học	2
12.	Xác suất thống kê trong y học	2
13.	Tin học đại cương	2
14.	Tiếng Anh 1	1
15.	Tiếng Anh 2	1
16.	Tiếng Anh 3	2
17.	Tiếng Anh 4	2
18.	Tiếng Anh 5	1
19.	Tiếng Anh 6	1
20.	Tiếng Anh 7	1
21.	Tiếng Anh 8	1

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
22.	Tiếng Anh 9	1
23.	Tiếng Anh 10	1
24.	Tiếng Anh 11	2
	Tổng	23

3.2.2. Các học phần/module cơ sở ngành

STT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ
25.	Sinh học phát triển: Sinh học tế bào – Phôi thai học	1
26.	Module 1: Y cơ sở 1	
	Giải phẫu người	3
	Mô đại cương	1
	Giải phẫu bệnh đại cương	1
27.	Module 2: Y cơ sở 2	
	Sinh lý đại cương	1
	Sinh lý bệnh đại cương	1
	Hóa sinh đại cương	2
	Dược lý đại cương	1
28.	Module 3: Y cơ sở 3	
	Miễn dịch đại cương	2
	Vi sinh - Ký sinh trùng đại cương	2
29.	Module 4: Hệ tạo máu	2
30.	Module 5: Hệ tim mạch	2
31.	Module 6: Hệ hô hấp	2
32.	Module 7: Thực hành y khoa 1	2
33.	Module 8: Hệ tiêu hóa	2
34.	Module 9: Hệ tiết niệu	2
35.	Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương	2
36.	Module 11: Thực hành y khoa 2	2
37.	Module 12: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	2
38.	Module 13: Hệ thần kinh	2
39.	Module 14: Thực hành y khoa 3	2
40.	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	2
41.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số	2
42.	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2
43.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
44.	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	2
45.	Dịch tễ	2
46.	Dược Lâm sàng	2
47.	Chẩn đoán hình ảnh	2
48.	Kinh tế y tế- Bảo hiểm y tế	2

49.	Tính chuyên nghiệp	3
50.	Thực tập cộng đồng	2
	Tổng	60

3.2.3. Các học phần/module chuyên ngành

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
51.	Nội cơ sở lý thuyết	2
52.	Nội cơ sở thực hành	2
53.	Ngoại cơ sở lý thuyết	2
54.	Ngoại cơ sở thực hành	2
55.	Nội bệnh lý lý thuyết 1	3
56.	Nội bệnh lý thực hành 1	4
57.	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	3
58.	Ngoại bệnh lý thực hành 1	4
59.	Sản phụ khoa lý thuyết 1	3
60.	Sản phụ khoa thực hành 1	4
61.	Nhi khoa lý thuyết 1	3
62.	Nhi khoa thực hành 1	4
63.	Da liễu	2
64.	Mắt	2
65.	Răng hàm mặt	2
66.	Tai mũi họng	2
67.	Thần kinh	2
68.	Ung thư	2
69.	Lao và Bệnh phổi	2
70.	Phục hồi chức năng	2
71.	Sức khỏe tâm thần	2
72.	Y học cổ truyền	2
73.	Truyền nhiễm	2
74.	Nội bệnh lý lý thuyết 2	2
75.	Nội bệnh lý thực hành 2	4
76.	Sản phụ khoa lý thuyết 2	2
77.	Sản phụ khoa thực hành 2	3
78.	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	2
79.	Ngoại bệnh lý thực hành 2	3
80.	Nhi khoa lý thuyết 2	2
81.	Nhi khoa thực hành 2	3
82.	Thực tập tốt nghiệp	4
	Tổng	83

3.3. Các học phần tự chọn

STT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ
	<i>Phần chuyên ngành (2 học phần chọn 1)</i>	
75	Gây mê hồi sức	2
76	Pháp y	2
	Tổng	4

3.4. Mã học phần/module/môn học và phân bố theo học kỳ

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
NĂM 1					
1	MPH121	Vật lý – Lý sinh y học	2		1
2	CHE111	Hóa học	1		1
3	MGE121	Di truyền y học	2		1
4	BDE211	Sinh học phát triển: Sinh học tế bào - Phôi thai học	1		1
5	PRO121	Xác suất thống kê trong y học	2		1
6	GIF121	Tin học	2		1
7	ENG111	Ngoại ngữ 1	1		1
8	MIE141	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4		1
9	MED251	Module 1: Y cơ sở 1			2
	BANA231	1. Giải phẫu người	3		
	HIS211	2. Mô đại cương	1		
	APA211	3. Giải phẫu bệnh đại cương	1		
10	MED252	Module 2: Y cơ sở 2			2
	PHI211	1. Sinh lý đại cương	1		
	PPA211	2. Sinh lý bệnh đại cương	1		
	BBIC221	3. Hóa sinh đại cương	2		
	PHA211	4. Dược lý	1		
11	MED243	Module 3: Y cơ sở 3			2
	BIMU221	1. Miễn dịch đại cương	2		
	BMIP221	2. Vi sinh – ký sinh trùng đại cương	2		
12	PRO211	Tính chuyên nghiệp 1	1		2
13	ENG112	Ngoại ngữ 2	1		2
NĂM 2					
14	HEM221	Module 4: Hệ tạo máu	2		3
15	CAR221	Module 5: Hệ tim mạch	2		3
16	RES221	Module 6: Hệ hô hấp	2		3
17	POM221	Module 7: Thực hành y khoa 1	2		3

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
18	ENG123	Ngoại ngữ 3	2		3
19	NFS421	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	2		3
20	PHE121	Giáo dục thể chất 1	2		3
21	MLP121	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2		3
22	DIG221	Module 8: Hệ tiêu hóa	2		4
23	URI221	Module 9: Hệ tiết niệu	2		4
24	SMB221	Module 10: Hệ Da - Cơ – Xương	2		4
25	POM222	Module 11: Thực hành y khoa 2	2		4
26	ENG124	Ngoại ngữ 4	2		4
27	HMP421	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2		4
28	PHE112	Giáo dục thể chất 2	1		4
NĂM 3					
29	ERM221	Module 12: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	2		5
30	NER221	Module 13: Hệ thần kinh	2		5
31	POM223	Module 14: Thực hành y khoa 3	2		5
32	COM421	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2		5
33	RME221	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		5
34	ENG115	Ngoại ngữ 5	1		5
35	MLP132	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	MLP121	5
36	EOH421	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	2		5
37	IME321	Nội cơ sở lý thuyết	2	POM221, POM222, POM223	6
38	IME322	Nội cơ sở thực hành	2		6
39	SUR321	Ngoại cơ sở lý thuyết	2		6
40	SUR322	Ngoại cơ sở thực hành	2		6
41	PRO212	Tính chuyên nghiệp 2	1		6
42	EPI431	Dịch tễ	2	BMIP221	6
43	CPH221	Dược Lâm sàng	2		6
44	ENG116	Ngoại ngữ 6	1		6
45	BLW121	Pháp luật đại cương	2		6
NĂM 4					
46	IME333	Nội bệnh lý lý thuyết 1	3	IME321,	7
47	IME344	Nội bệnh lý thực hành 1	4	IME322	7

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
48	SUR333	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	3	SUR321,	7
49	SUR344	Ngoại bệnh lý thực hành 1	4	SUR322	7
50	ENG117	Ngoại ngữ 7	1		7
51	OGY331	Sản phụ khoa lý thuyết 1	3	POM221, POM222, POM223	8
52	OGY342	Sản phụ khoa thực hành 1	4		8
53	PED331	Nhi khoa lý thuyết 1	3		8
54	PED342	Nhi khoa thực hành 1	4		8
55	PRO213	Tính chuyên nghiệp 3	1		8
56	ENG118	Ngoại ngữ 8	1		8
57	HEI421	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2		8
58	VCP131	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	MLP132	
NĂM 5					
59	IDI221	Chẩn đoán hình ảnh	2	IME333,	9
60	DER321	Da liễu	2	IME344,	9
61	OPH321	Mắt	2	SUR333,	9
62	TJF321	Răng hàm mặt	2	SUR344,	9
63	ENT321	Tai mũi họng	2	OGY331,	9
64	NEU321	Thần kinh	2	OGY342,	9
65	ONC321	Ung thư	2	PED331,	9
66	ANE521	Gây mê hồi sức	2	PED342	9
67	ENG119	Ngoại ngữ 9	1		9
68	TPD321	Lao và Bệnh phổi	2	IME333,	10
69	REH321	Phục hồi chức năng	2	IME344,	10
70	PSY321	Sức khỏe tâm thần	2	SUR333,	10
71	TME321	Y học cổ truyền	2	SUR344,	10
72	FME521	Pháp y	2	OGY331, OGY342, PED331, PED342	10
73	INF321	Truyền nhiễm	2	EPI431, IME333, IME344, SUR333, SUR344, OGY331, OGY342, PED331, PED342	10
74	COP421	Thực tập cộng đồng	2	NFS421,	10

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
				HMP421, COM421, EOH421, EPI431	
75	ENG1110	Ngoại ngữ 10	1		10
NĂM 6					
76	IME325	Nội bệnh lý lý thuyết 2	2	IME333,	11
77	IME346	Nội bệnh lý thực hành 2	4	IME344	11
78	OGY323	Sản phụ khoa lý thuyết 2	2	OGY331,	11
79	OGY334	Sản phụ khoa thực hành 2	3	OGY342	11
80	SUR325	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	2	SUR333,	11
81	SUR336	Ngoại bệnh lý thực hành 2	3	SUR344	11
82	PED323	Nhi khoa lý thuyết 2	2	PED331,	11
83	PED334	Nhi khoa thực hành 2	3	PED342	11
84	ENG1211	Ngoại ngữ 11	2		11
85	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP132	11
86	COP341	Thực tập tốt nghiệp	4	Tất cả các HP	12

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Văn Sơn